

この本を使う方へ

ほん つか かた

For Users of This Book

致使用此书的各位读者

Gửi các bạn sử dụng quyển sách này

本書について

ほんしよ

この本は、日本語能力試験 N4 レベルの単語を学習するためのものです。初級後半レベルの単語を覚えたい方、会話を聞いたり読んだりしながら単語を学びたい方を想定して作りました。

本書では、本編とコラムを合わせて約 1,200 の単語を扱います。初級教科書や公式問題集を参考に語彙リストを作成し、日常生活でよく使う語も追加しました。

本書全体は場所を表す 13 のトピックに分かれています。日本のそこかしこで人々が身近な人と交わす会話、その「小さなストーリー」の中で単語を学べるようになっていきます。

トピックは、表現が易しいものから難しいものへと緩やかに並んでいますので、N4 の勉強に入ったばかりの人は最初のトピックから始めるといいでしょう。付属の赤シートを使うと、単語や漢字表記を隠すことができます。音声はアプリなどで聞けます。ぜひ、シャドーイングやリピートをして発音練習してください。

本書が、基本的な単語を習得し、語を使う力を伸ばしたいと願う皆さまのお役に立てば幸いです

2022 年 6 月 著者

ねん がつ ちよしゃ

About This Book

This book is intended to help users learn vocabulary appearing at level N4 of the Japanese Language Proficiency Test (JLPT). It is particularly designed for those who wish to study advanced beginning vocabulary, and those who prefer to master vocabulary through the processes of listening to conversations and reading text.

This book presents 1,200 vocabulary terms in the body text and side columns. These include lists of words selected with reference to elementary textbooks and official exercise books, as well as commonly used words drawn from everyday life.

The material is divided into thirteen place-related topics. Words are studied in the context of snapshots of life in Japan—in the form of snippets of conversations between family members, friends, and acquaintances that take place in various settings.

The target expressions gently progress in difficulty with each subsequent topic, so those who are new to level N4 should start from the first topic and work their way up. The accompanying red plastic sheet can be used to hide the vocabulary terms and kanji during study. The audio material can be listened to using an appropriate audio app. Please use it to practice pronunciation through shadowing or repeating.

We hope that this resource will be of good use to all Japanese language learners who wish to master basic words and build their vocabulary power.

この本の使い方①

ほん つか かた

How to Use This Book / 此书的使用方法 / Cách sử dụng quyển sách này

単語番号 Vocabulary number
たんご ほんごう 单词号码
Số thứ tự của từ vựng

トラック番号 Track number
ばんごう 音档号码
Số track tệp âm thanh

43

A: 今日は、どんな**髪型**になさいますか。

B: あまり**変えない**で、**このぐらい**切りたんですけど。

A: 3**センチ**ぐらいですね。

163 **かみがた 髪型**

名 hairstyle / 发型 / kiểu tóc

164 **ヘアスタイル**

名 hairstyle / 发型 / kiểu tóc

165 **かえる 変える**

動2他 change / 改变 / thay đổi

166 **このぐらい**

副 this much / 差不多这样 / khoảng chừng này

167 **～センチ(メートル)**

接尾 ~ centimeters / 厘米(米) / ~ cm (m)

A: What sort of hairstyle would you like today? B: I'd like for you to cut about this much without changing my hairstyle much. A: About three centimeters, right? / A: 今天想剪什么样的发型呢? B: 我想剪掉差不多这样, 不用改变太多。A: 那差不多3厘米左右。 / A: Hôm nay chị sẽ làm kiểu tóc nào ạ? B: Tôi muốn không thay đổi gì nhiều, cắt khoảng chừng này thôi. A: Khoảng 3cm ạ.

= 似ている意味の単語
に い み たんご

words with similar meanings / 近义词 / từ đồng nghĩa

↔ 反対の意味の単語
ほんたい い み たんご

words with the opposite meaning / 反义词 / từ trái nghĩa

+ 一緒に覚えてほしい単語
いっしょ おぼ たんご

additional words you should learn / 希望一起学习
学习的单词 / từ nên nhớ cùng với nhau